VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2022/TT-BGTVT *Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

THÔNG TƯ
Quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Doanh nghiệp cảng hàng không;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 2. Khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không

1. Khung giá

STT	Danh mục	Khung giá	
		Tối thiểu	Tối đa
1	Nhượng quyền khai thác nhà ga hành khách quốc tế	15%	24%
2	Nhượng quyền khai thác nhà ga, kho hàng hóa	1,5%	4,5%
3	Nhượng quyền khai thác phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất	1,5%	4,5%
4	Nhượng quyền khai thác sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không	1%	3%
5	Nhượng quyền khai thác kỹ thuật hàng không	1%	3%
6	Nhượng quyền khai thác cung cấp suất ăn hàng không	75.000 đồng/chuyến bay	225.000 đồng/chuyến bay
7	Nhượng quyền khai thác cung cấp xăng dầu hàng không	28.000 đồng/tấn	84.000 đồng/tấn

2. Quy định về việc tính giá nhượng quyền khai thác

a) Các mức giá nhượng quyền quy định tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng;

b) Các mức giá nhượng quyền theo tỷ lệ % quy định tại mục 1 đến mục 5 khoản 1 Điều này được tính trên doanh thu (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) của doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ tương ứng;

c) Doanh thu hoặc sản lượng để tính giá nhượng quyền khai thác không bao gồm doanh thu hoặc sản lượng của các công ty cung cấp dịch vụ cho chính doanh nghiệp mình và công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ cung ứng dịch vụ cho công ty mẹ.

3. Doanh nghiệp cảng hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay thực hiện đàm phán, thương thảo giá dịch vụ trong khung giá quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn